



CÔNG TÁC XÓA MÙ CHỮ Ở NAM BỘ (1945-1954)

*Huỳnh Hồng Hạnh**

Trường THPT chuyên Hùng Vương – Bình Dương

Ngày nhận bài: 20-4-2018; ngày nhận bài sửa: 04-10-2018; ngày duyệt đăng: 21-11-2018

TÓM TẮT

Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), công tác xóa mù chữ đã được hình thành và phát triển ở Nam Bộ trong điều kiện lịch sử khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến. Công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ thời kỳ này đã đạt được những thành tựu lớn và để lại nhiều bài học ý nghĩa cho sự nghiệp đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: đổi mới giáo dục, Nam Bộ (1945-1954), thành tựu giáo dục, xóa mù chữ.

ABSTRACT

The illiteracy eradication in the South Vietnam (1945-1954)

In the nine years of the war against the French colonialists (1945-1954), illiteracy eradication was established and developed in the South in the difficult historical and arduous conditions of the resistance war. Illiteracy eradication in the South of this period has achieved great achievements and left many meaningful lessons for the cause of education reform in our country today.

Keywords: education reform, Southern Vietnam (1945-1954), educational achievements, Illiteracy.

1. Mở đầu

Công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Đó là một phong trào giáo dục được hình thành và phát triển trong điều kiện lịch sử khó khăn, gian khổ ác liệt của cuộc kháng chiến. Xóa mù chữ là con đẻ của Cách mạng Tháng Tám, nhằm xóa mù chữ trong nhân dân. Công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ được tổ chức trong mọi địa bàn, mọi lúc, ở đâu có quần chúng nhân dân thì ở đó có giáo dục xóa mù chữ. Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), mỗi lớp học là một cơ sở tuyên truyền kháng chiến, mỗi giáo viên là một nhân viên tuyên truyền kháng chiến. Công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ đã nhanh chóng trở thành một phong trào sôi nổi, rộng khắp, lôi cuốn đông đảo mọi người tham gia, tạo nên một dấu ấn đẹp đẽ về một nền giáo dục dân tộc đại chúng.

2. Công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ (1945-1954)

2.1. Khái quát giáo dục ở Nam Bộ trước năm 1945

* Email: hanhnh@sgdbinhduong.edu.vn

Thực dân Pháp nỗ lực tấn công vào Đà Nẵng năm 1858, bắt đầu thống trị nước ta từ khi triều Nguyễn nhượng ba tỉnh miền Đông Nam Bộ: Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, và bung dần ra chiếm cả nước. Thực dân Pháp chia nước ta làm ba kì: Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì. Đi đôi với chính sách chia để trị, Pháp còn dùng văn hóa giáo dục để thống trị nhân dân ta. Ở Nam Kì (theo chế độ thuộc địa của Pháp), đa số các tổng, xã đều có trường tiểu học Pháp – Việt dạy tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ. Năm 1917, nhà cầm quyền Pháp xóa bỏ nền giáo dục phong kiến, lập ra trường Pháp để dạy học sinh người Pháp theo chương trình của “chính quốc”, lập ra trường Pháp – Việt dạy cho học sinh người Việt theo chương trình dành cho “bản xứ”, đến năm 1919, ra lệnh bãi bỏ thi hương, thi hội và cấm các trường tư hành nghề (trừ trường Thiên chúa giáo của các cố đạo phương Tây). Năm 1923, Toàn quyền Đông Dương Merlin nói rằng người Việt Nam rất hạn chế về sức học, nên chỉ cần mở trường sơ học là đủ (Trần Thanh Nam, 1995, tr. 9). Rõ ràng, thực dân Pháp cố tình kìm hãm giáo dục ở nước ta bằng cách hạn chế tối đa việc mở trường.

Về nội dung giáo dục, thực dân Pháp chủ trương tiếng Pháp được dùng làm chuyên ngữ, dạy từ lớp đồng ấu (lớp 1 ngày nay), tiếng Việt trở thành ngoại ngữ, mỗi tuần chỉ có 1 tiết học gọi là giờ luận quốc ngữ. Các môn khoa học xã hội, tự nhiên đều dạy bằng tiếng Pháp (Trần Thanh Nam, 1995, tr. 10).

Việc cố tình thu hẹp trường lớp của thực dân Pháp đã dẫn đến một hậu quả hết sức nặng nề, 95% dân chúng không biết đọc, biết viết.

Từ những năm 1930 đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào chống nạn thất học đã được hình thành ở Nam Bộ, tổ chức Hội truyền bá chữ Quốc ngữ cho nhân dân lao động; đã đào tạo được một số cán bộ, chiến sĩ, giáo viên trung kiên, tạo tiền đề cho việc phát triển mạnh mẽ phong trào xóa mù chữ sau Cách mạng Tháng Tám.

2.2. Công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ (1945-1954)

2.2.1. Nhiệm vụ của công tác xóa mù chữ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 03/9/1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày về những vấn đề cấp bách của đất nước, trong đó nổi trội lên các vấn đề như: giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Trên con đường cách mạng giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh thấu hiểu nỗi đau khổ của người dân mất nước, thấu hiểu tầm quan trọng của trình độ văn hóa đối với một dân tộc nhỏ bé. Người quan niệm: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”. Vì vậy, Người đề nghị mở ngay một chiến dịch diệt giặc dốt và đích thân Người phát động chiến dịch “Chống nạn mù chữ”, coi đó là bước đột phá đầu tiên để nâng cao dân trí.

Ngày 08/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ba Sắc lệnh liên quan đến vấn đề xây dựng nền giáo dục mới. *Sắc lệnh số 17/SL*, thành lập Nha bình dân học vụ, quy định nhiệm vụ của Nha là lo việc học cho nhân dân; tiếp đến *Sắc lệnh số 19/SL*, quy định hạn trong 6 tháng, làng nào, thị trấn nào cũng phải có lớp học, ít nhất là 30 người theo học và *Sắc lệnh*

số 20/SL, ban bố việc học chữ Quốc ngữ là “bắt buộc và không mất tiền” (Dương Bạch Long, 2003, tr. 22), hạn một năm tất cả mọi người Việt Nam từ 8 tuổi trở lên phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

Tháng 10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi chống nạn thất học. Người khẳng định: Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí. Người kêu gọi “Những người biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết” (Nguyễn Quang Kính, 2005, tr. 27).

Ngày 09/7/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành *Sắc lệnh số 119/SL* thành lập Bộ Quốc gia Giáo dục. Tiếp đó, ngày 10/8/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành tiếp các *Sắc lệnh số 146/SL* và *Sắc lệnh số 147/SL* khẳng định những nguyên tắc căn bản của nền giáo dục mới và mục đích tôn chỉ của nó.

Ở Nam Bộ, sau khi Pháp tái chiếm vào cuối 1945 đầu 1946, tổ chức nền học chính ở đây vẫn không có gì thay đổi, vẫn chịu ảnh hưởng của nền giáo dục thời Pháp thuộc, từ chương trình học cho đến cơ cấu tổ chức trường lớp. Đến năm 1949, sau khi Pháp kí Hiệp ước *trao trả Việt Nam* cho Bảo Đại, Chính phủ Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại đã cho ban hành một số nghị định, quyết định liên quan đến việc cải cách giáo dục, song nhìn chung về cơ bản, nền giáo dục thời kỳ này vẫn trì trệ và chưa phát triển được nhiều vì thiếu chính sách và thiếu cán bộ nòng cốt. Tuy nhiên, đối với những vùng giải phóng, vấn đề giáo dục được chú trọng quan tâm và đẩy mạnh nhằm giải quyết cấp bách nạn mù chữ trong nhân dân.

2.2.2. Công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ (1945-1954)

- *Bộ máy quản lý giáo dục*

Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Nam Bộ đã giành được nhiều thắng lợi, giải phóng nhiều vùng. Trước những chuyển biến thuận lợi đó, tháng 8/1947, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ đã ra quyết định thành lập Sở Giáo dục Nam Bộ và Viện Văn hóa kháng chiến Nam Bộ, với nhiệm vụ “... xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam mà trước mắt là thanh toán nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân...” (Trần Thanh Nam, 1995, tr. 67). Sở Giáo dục Nam Bộ đã thành lập các Ban bình dân học vụ thuộc Ban Xã hội trong Ủy ban hành chính tại mỗi tỉnh. Tại khu an toàn, các ban bình dân học vụ được thành lập đến cấp xã, kể cả những xã sát Sài Gòn như An Phú Đông – Thạnh Lộc.

Thực hiện nhiệm vụ trên, cơ quan Sở Giáo dục lúc đó chỉ có 10 cán bộ giáo viên đang công tác ở Ban Xã hội Nam Bộ đến tăng cường biên chế của Sở. Mặt khác, Sở được phép vận động một số nhà giáo yêu nước còn ở vùng Pháp tạm chiếm vào khu giải phóng góp sức xây dựng nền giáo dục mới. Cơ quan giáo dục được trưởng thành từng bước từ khi ra Đồng Tháp đến khi chuyển về miền Tây Nam Bộ. Bộ phận lãnh đạo đầu tiên gồm có Lê Văn Chí, Nguyễn Văn Chì, Đặng Minh Trứ, Lê Văn Thiêm, Hoàng Xuân Nhị. Một số nhà

giáo dục cũ ở các trường trung, tiểu học Sài Gòn và các tỉnh cũng vào căn cứ cách mạng tham gia xây dựng bộ máy giáo dục đầu tiên của Nam Bộ (Trần Thanh Nam, 1995, tr. 68).

Cùng với Sở Giáo dục, Viện Văn hóa kháng chiến Nam Bộ (VHKCNB) đóng góp vai trò quan trọng trong việc đào tạo bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu nội dung và phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội như chính trị, văn, sử, địa, công dân giáo dục... (Nguyễn Văn An, 1995, tr. 12).

Chỉ bao lâu sau khi thành lập, Sở Giáo dục và Viện VHKCNB đã cống hiến, phấn đấu quên mình để nâng cao trình độ học vấn vì một thế hệ trẻ, phục vụ kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

- *Biên soạn chương trình và tài liệu giáo khoa*

Trước khi thể thi đua sôi nổi của phong trào cùng với sự năng nổ, nhiệt tình của cán bộ, giáo viên bình dân học vụ đã thu hút mọi sự ủng hộ của nhân dân. Nhân dân sẵn sàng cho mượn nhà cửa, bàn ghế, dầu đèn để mở lớp bình dân học vụ. Nhiều nhà hảo tâm sốt sắng, nhiệt tình giúp đỡ những khoản tiền lớn để in sách và quốc ngữ, mua tập vở, phân bút cho các lớp bình dân học vụ.

Việc biên soạn sách giáo khoa được giao cho các thầy giáo đã từng dạy trước đó, có tuổi nghề từ vài năm đến vài chục năm: Hoàng Xuân Nhị, Nguyễn Văn Chì, Lê Văn Chí, Đặng Minh Trứ, Lê Văn Thiêm, Trần Văn Hanh, Nguyễn Văn An... (Trần Văn An, 2017, tr. 50). Hầu hết các huyện đều thành lập Ban Giáo dục huyện. Tại các xã do chính quyền cách mạng quản lý, có một trường ban giáo dục xã phụ trách.

Phương pháp tiến hành việc biên soạn chương trình và tài liệu giáo khoa kết hợp giữa cái vốn sẵn có về văn hóa, sự phạm, kinh nghiệm giảng dạy với những yêu cầu mới của cách mạng, bám chặt nội dung của *Lời kêu gọi toàn dân chống nạn thất học* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những huấn thị của Người gửi học sinh và giáo viên nhân dịp khai giảng năm học đầu tiên của nước VNDCCH; quán triệt ba nguyên tắc xây dựng nền văn hóa giáo dục mới là dân tộc, khoa học, đại chúng.

Nội dung chương trình soạn thảo phù hợp với nền giáo dục mới – giáo dục cách mạng, gạt bỏ nội dung nô dịch trong chương trình giáo dục thực dân cũ, thay những gì không cần thiết bằng nội dung phục vụ chiến đấu, sản xuất, góp phần đào tạo con người mới phát triển toàn diện. Trong quá trình biên soạn, một số vấn đề được đặt ra và bàn luận như sau:

Với những môn khoa học tự nhiên thì lấy nguyên xi chương trình sách vở của người Pháp rồi dịch ra dạy, còn những môn khoa học xã hội thì dạy sao cho có nội dung yêu nước... Hàng đêm bên cạnh ngọn đèn dầu leo lét, những nhà giáo tâm huyết cặm cụi làm việc. Những bài giảng, những trang sách ra đời. Sau một thời gian ngắn đã soạn xong chương trình giáo dục bậc trung học bằng tiếng Việt đối với tất cả các môn khoa học xã hội cũng như khoa học tự nhiên, với nội dung yêu nước, tức xóa bỏ những tàn dư của giáo dục thực dân, ngăn gọn để phục vụ kháng chiến thiết thực, nhưng có chú ý đến sự phát triển toàn diện của học sinh,

bằng cách dạy những môn như thời sự chính sách, âm nhạc, hội họa, ngoại ngữ (tiếng Anh và tiếng Hoa), thể dục, thể thao (Võ Anh Tuấn, 2017, tr. 7)

Với các môn xã hội, nguyên lí khoa học căn bản thì giữ, soạn lại lịch sử, địa lí Việt Nam, dạy tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, căm thù giặc ngoại xâm, học để làm người, phụng sự nhân dân, Tổ quốc.

Với tinh thần tự lực, tự cường, tập thể các Thầy/Cô hồi ấy đã cùng nhau xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy mới, thể hiện được bản chất và mục đích của nền giáo dục mới, một nền giáo dục phục vụ kháng chiến.

- *Đào tạo giáo viên và cán bộ giáo dục*

Năm 1948, để tăng cường cán bộ có trình độ năng lực tổ chức quản lí chỉ đạo ngành học và chuẩn bị cho chiến dịch toàn dân thi đua xóa nạn mù chữ, Sở Giáo dục đã mở hai lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, giáo viên bình dân học vụ: lớp sư phạm cấp tốc và lớp sư phạm và văn hóa đặc biệt (lớp cao cấp).

Lớp sư phạm cấp tốc: được mở tại Tân Bằng (Bạc Liêu), đào tạo giáo viên là cán bộ tối thiểu cho phong trào giáo dục ở các tỉnh, tập hợp được 50 học viên từ 3 khu thuộc Nam Bộ (khu 7, 8, 9) có trình độ văn hóa từ lớp nhất đến tốt nghiệp Trường Sư phạm Sài Gòn cũ, thời gian đào tạo là 3 tháng sau đó trở về tỉnh nhà làm nòng cốt cho phong trào giáo dục, giúp các Ti mới thành lập củng cố bộ máy, phát triển phong trào chống nạn mù chữ và phong trào giáo dục phổ thông.

Lớp sư phạm và văn hóa đặc biệt (lớp cao cấp): Viện VH KCNB có sáng kiến mở một lớp đào tạo giáo viên trung học. Đó là lớp sư phạm và văn hóa đặc biệt mang tên Phan Chu Trinh do giáo sư Hoàng Xuân Nhị phụ trách, được mở trên bờ sông Thới Bình, đối tượng học viên là những người có trình độ văn hóa bậc thành chung, tú tài hoặc tương đương, với số lượng gần 100 học viên đều là cán bộ các ngành, giáo viên, Trưởng Phó Ti Giáo dục, cán bộ tinh đoàn thanh niên cứu quốc, cơ quan quân đội, và một số văn sĩ, thi sĩ, họa sĩ đang tham gia kháng chiến ở các địa phương, thời gian đào tạo là 1 năm. Được sự đùm bọc của các giáo sư như Lê Văn Thiêm, Hoàng Xuân Nhị... các giáo sinh trẻ tốt nghiệp khóa sư phạm và văn hóa đặc biệt Phan Chu Trinh là nguồn bổ sung kịp thời, làm lực lượng nòng cốt cho sự thành lập một loạt trường trung học kháng chiến.

Năm 1949, sau lớp sư phạm cấp tốc đầu tiên, Sở Giáo dục mở trường Sư phạm Nam Bộ ở Rạch Tấn (Cái Tàu) quy mô lớn hơn để đào tạo giáo viên có năng lực dạy đến lớp nhất tiểu học hoặc bổ sung bộ máy chỉ đạo của Ti. Trường mở được 2 khóa, mỗi khóa 6 tháng và đào tạo được 250 giáo viên tiểu học.

Tập thể các giáo sư có tuổi, có nhiều kinh nghiệm sư phạm và các cán bộ giảng dạy trẻ, đầy nhiệt huyết đã hoàn thành trong một thời gian ngắn việc soạn thảo chương trình và tài liệu giáo khoa với nội dung mới. Điều đặc biệt có ý nghĩa là tất cả các môn học về khoa học xã hội cũng như tự nhiên đã được biên soạn và dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt, thoát khỏi sự lệ thuộc vào nền giáo dục thực dân.

Tính đến cuối năm 1947, toàn Nam Bộ đã xóa mù chữ cho gần 600 nghìn người, đạt 21% số người mù chữ từ 16 đến 45 tuổi trong vùng ta kiểm soát đã biết chữ, đồng thời mở được 9400 lớp dự bị bình dân gồm 209.700 học viên mãn khóa. Tuy kết quả bước đầu còn hạn chế, nhưng trong hoàn cảnh kháng chiến vô cùng gian khổ ở chiến trường Nam Bộ, thành tích trên có ý nghĩa chính trị, xã hội rất to lớn.

Cuối năm 1949, chiến dịch thi đua toàn dân diệt dốt đã trở thành cao trào rộng khắp trong vùng giải phóng Nam Bộ, quần chúng thất học hưởng ứng nhiệt tình, đăng kí xin học bình dân học vụ rất đông, nhất là chị em phụ nữ.

Tính đến đầu năm 1950 (sau hơn 1 năm phát động chiến dịch), toàn Nam Bộ có 24 đơn vị xã hoàn thành thanh toán mù chữ cho 800 nghìn người trong vùng giải phóng, đạt khoảng 56% số người mù chữ trong diện cần thanh toán. Trong đó, Gia Định là tỉnh dẫn đầu trong chiến dịch diệt dốt ở Nam Bộ, trên 70% nhân dân vùng giải phóng của tỉnh đã thoát nạn mù chữ (Nguyễn Văn An, 1995, tr. 34-36).

Như vậy, trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), đội ngũ giáo viên và công tác đào tạo sư phạm luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của chính quyền cách mạng và toàn thể nhân dân. Nhờ công tác đào tạo, đội ngũ giáo viên tăng lên khá nhanh, đáp ứng được yêu cầu của cách mạng. Ngành Giáo dục Nam Bộ đã đào tạo một đội ngũ cán bộ khá đông đảo, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ văn hóa tối thiểu cần thiết cho nhu cầu công tác lúc bấy giờ.

2.3. Xóa mù chữ ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ (1945-1954)

Hưởng ứng lời kêu gọi “chống giặc dốt” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể nhân dân Nam Bộ, từ Đông Nam Bộ đến Tây Nam Bộ, từ nông thôn đến thành thị bị tạm chiếm, từ trẻ đến già đều coi việc đi học bình dân học vụ là một hành động yêu nước, phong trào xóa mù chữ cũng nhanh chóng được hình thành và phát triển mạnh.

Nơi nào cũng có các lớp bình dân học vụ, tổ chức trong các trường học, đình chùa, nhà dân hay dưới bóng cây cổ thụ. Giặc đóng đồn bốt khắp nơi, không dạy công khai thì dạy bí mật. Mỗi lớp vài ba chục học viên, học tại nhà dân, học trưa, học tối, ban đêm đèn đóm thấp sáng như sao lấp lánh; tiếng đánh vần a, b, i, tờ rộn rã khắp nơi. Thầy giáo các lớp bình dân phần lớn là thanh niên học sinh giàu nhiệt huyết cách mạng. Ta thực hiện người biết chữ dạy người không biết chữ mà phát triển đội ngũ giáo viên, nhân rộng từ lớp này đến lớp khác. Một số nơi, các cổng chào được dựng lên ở đường ra vào xã, áp để động viên nhắc nhở việc học tập; những ai đọc thông viết thạo được mời đi vào cửa chính giữa có hồi trống chào mừng; người đọc chưa được nhanh thì chịu khó chui ở ngách với dùi trống đánh vào tang gõ kêu tách tách. Ở nhiều ấp, các lớp học đến lớp sơ đẳng được mở ra để giáo dục các em thiếu niên. Nơi nào không có trường, các em đi học với người lớn, tiếp thu nhanh hơn và về dạy lại cho người lớn.

Tại Bình Phước, bình dân giáo dục có 2 ngành:

1. Giáo dục tiểu học đào tạo cấp tốc: có 2 hệ, tổng số thời gian đào tạo là 9 tháng.

2. Các lớp học người lớn: người trên 18 tuổi mới được học, dành cho những người biết đọc nhưng chưa biết viết hoặc biết viết rồi nhưng muốn hoàn thiện hơn. Thời gian học là 4 tháng, chia làm 2 học kì và có 3 khóa trong một năm.

Năm 1951, ở Thủ Dầu Một bắt đầu dạy chương trình tiếng Việt từ lớp Đệ nhất, dạy theo cuốn chiếu dẫn lên các lớp cao hơn. Năm 1951-1952, mới thực hiện dạy chương trình tiểu học tiếng Việt (Lê Hữu Phước và Giang Văn Khoa, 2015, tr. 496-497).

Tại Bà Rịa, ngành Giáo dục chú trọng phát triển cả hai ngành Tiểu học và Bình dân học vụ. Theo báo cáo chung năm 1948 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bà Rịa, từ tháng 01/1948, ngành Bình dân học vụ đã tổ chức được 45 lớp học, với 50 giáo viên phụ trách, tổng số 1247 học sinh ở lớp và 325 học sinh ở nhà. Tính đến tháng 10/1948, riêng ngành Tiểu học đã tổ chức được 20 lớp tư, 3 lớp ba với 690 học sinh, trong đó có 346 học sinh nữ. Bình dân học vụ có 1645 học viên với 78 giáo viên và cán bộ kiêm nhiệm. Cuối năm 1948, có hơn 80% đồng bào trong vùng căn cứ đã thoát mù chữ, trong đó có rất nhiều đồng bào dân tộc.

Ở Đồng Nai, ngay từ những ngày đầu kháng chiến, ngành Giáo dục tỉnh Biên Hòa đã chọn xã Thái Hòa (huyện Tân Uyên) làm điển hình của phong trào xóa mù chữ trong thời gian một tháng rưỡi. Đêm đêm, từng tốp thanh thiếu niên lặn lội đến từng nhà đồng bào để vận động đốt đèn dầu đánh vần, viết chữ. Cả vùng kháng chiến rộng lớn, nơi nào cũng có lớp học. Ti Giáo dục Biên Hòa đóng ngay giữa rừng chiến khu Đ, quy tụ nhiều thế hệ thầy giáo. Riêng huyện Tân Uyên gồm 20 xã, Ban Giáo dục huyện do ông Huỳnh Văn Bản (sau này là Hoàng Văn Bôn) làm trưởng ban, đã mở được hai trường tiểu học kháng chiến. Học sinh bao gồm: con em cán bộ, trẻ mồ côi, các chú bé liên lạc, công vụ các cơ quan, đoàn thể... Thầy giáo các trường kháng chiến được Ban Giáo dục vận động từ vùng địch ra như các thầy: Tống Văn Phụng, Tống Hòa Việt, Tô Bá Hùng, Mia Văn Tươi, Lê Tâm... Sau khi học hết tài liệu do các thầy ở địa phương soạn, Ban Giáo dục huyện Tân Uyên cử người xuống tận rừng U Minh tìm tài liệu ở trường trung học sư phạm của giáo sư Hoàng Xuân Nhị về biên soạn, in ấn, dùng chung cho hai trường và cả Ti Giáo dục Biên Hòa. Còn ở chiến khu Phước An (Nhơn Trạch ngày nay), từ năm 1948-1951, một trường tiểu học (Trường Tiểu học chiến khu Phước An) cũng được mở với 5 giáo viên, lúc cao điểm trường có 5 lớp với trên 80 học sinh (Huỳnh Ngọc Trảng, Huỳnh Văn Tới và Đỗ Văn Anh, 2001, tr. 463-464).

Năm 1949, tỉnh Biên Hòa có thêm 14 xã thanh toán nạn mù chữ, trong đó có Rừng Lá là nơi có nhiều đồng bào dân tộc (Thạch Phương và Nguyễn Trọng Minh, 2005, tr. 90). Những năm 1946-1952, phong trào bình dân học vụ và giáo dục phổ thông ở tỉnh Biên Hòa được xếp vào những tỉnh phát triển nhất của Nam Bộ.

Tại Đồng Tháp, tháng 8-1947, Ti Giáo dục tỉnh được thành lập. Từ năm 1948, phong trào chống “giặc đói” phát triển khá mạnh trong vùng căn cứ. Tỉnh ủy còn chỉ đạo mở trường riêng cho con em gia đình nghèo, mồ côi... vừa học văn hóa, vừa học nghề dệt,

thêu... Các trường tiểu học và các lớp bình dân học vụ được tổ chức đều khắp. Cuối năm 1948, ở khu vực Tân Hồng, tổng Phong Thạnh Thượng, Lấp Vò (Long Châu Tiền) có 67 lớp tiểu học, 2199 học sinh, 91 giáo viên, 62 lớp bình dân học vụ, 1623 học viên; vùng nông thôn căn cứ, giải phóng của tỉnh có hơn 60% dân biết chữ. Tỉnh còn lập trường bán trú mang tên Nguyễn Hữu Nghi, Hiệu trưởng đầu tiên là thầy Phùng, sau đó là thầy Bùi Văn Thi. Ở tỉnh Sa Đéc, mở được 32 lớp tiểu học vụ với 1098 học sinh, 44 giáo viên. Đầu năm 1949, Sở Giáo dục Nam Bộ mở Trường Trung học Thái Văn Lung tại Nhị Mỹ (Cao Lãnh) có hàng trăm học sinh. Sa Đéc là một trong 13 tỉnh ở Nam Bộ có số người thoát nạn mù chữ cao (khoảng 64% tổng dân số).

Thành tựu lớn nhất của giáo dục cách mạng trong giai đoạn 1945-1954 trên địa bàn tỉnh đó là: Góp phần nâng cao dân trí cho nhân dân lao động thông qua phong trào “Diệt giặc dốt”, động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia cách mạng, góp phần vào thành công của cuộc kháng chiến chống Pháp. Việc mở các lớp tiểu học với hàng ngàn học sinh tại các vùng giải phóng, mở Trường Trung học Thái Văn Lung tại Cao Lãnh đã góp phần tạo tiền đề cho việc nâng cao trình độ cho cán bộ, thanh niên ưu tú sau xóa mù chữ, góp phần đào tạo bước đầu cho những “Hạt giống đỏ” của tỉnh nói riêng, của Nam Bộ nói chung trong các giai đoạn cách mạng sau này.

Ở Trà Vinh, xã An Trường (huyện Càng Long) trước đó 95% dân không biết chữ, nhưng chỉ sau bốn tháng chống giặc dốt, đa số người dân ở đây đã biết đọc biết viết. Một điểm sáng về công tác diệt giặc dốt ở Trà Vinh có thể kể đến đó là việc khắc phục nạn mù chữ gắn liền với những tập tục lạc hậu ở huyện Tiểu Cần. Dưới sự thống trị của thực dân Pháp, ở quận lỵ Tiểu Cần tuy đã có nhà thương và trường học, nhưng đối tượng phục vụ chủ yếu là người Pháp; những người làm tay sai cho Pháp và con em địa chủ, nhà giàu. Điều đó chứng tỏ rằng mặt bằng dân trí lúc này rất thấp. Chính vì vậy, để góp phần thực hiện tốt công tác diệt giặc dốt, ngay từ ngày đầu tháng 9-1945, các trường học cũ được tu sửa và khẩn trương đưa vào hoạt động, nhiều lớp bình dân học vụ được tổ chức tại đình, chùa và một số tư gia. Lúc đầu, số giáo viên ít không đáp ứng đủ cho nhu cầu người học, phải thực hiện phương châm học sinh lớp trước trở thành thầy giáo cho lớp sau.

Phong trào bình dân học vụ lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân và giúp cho đồng bào ngày càng hiểu rõ quyền được học và trách nhiệm học tập của mình. Ở đây, bên cạnh việc dạy và học tiếng phổ thông là chính, việc dạy và học bằng tiếng Khmer và tiếng Hoa cũng được tiến hành. Giáo trình học tập không chỉ là sách giáo khoa thuần túy mà còn có cả các tài liệu về y tế, vệ sinh, phòng bệnh, chữa bệnh... Hơn thế nữa, công tác diệt giặc dốt ở đây không chỉ gắn liền với phong trào bình dân học vụ, xóa mù chữ, mà còn liên hệ chặt chẽ với các loại hình sinh hoạt văn hóa văn nghệ dân gian vốn rất phong phú ở Tiểu Cần. Người đi học tập viết những câu ca dao, tục ngữ, những bài ca cổ... với niềm hứng thú và say mê. Người đi học cũng tập chép những bài ca cách mạng được phổ biến bằng ba thứ tiếng Việt, Khmer, Hoa. Có thể thấy, lịch sử huyện Tiểu Cần cho đến năm 1945, chưa bao

giờ có một phong trào học tập sôi nổi và rộng khắp như thế, nó có ý nghĩa cách mạng và thực tiễn vô cùng to lớn vì đã góp phần cổ vũ, động viên tinh thần cách mạng; giúp cho những người nông dân nghèo khổ nhất ở những vùng xa xôi hẻo lánh cũng có cơ hội học tập; giúp cho những gia đình nhiều đời mù chữ, nay đã có thể đọc và viết; đồng thời dễ dàng tiếp cận một cách thuận lợi hơn với những di sản văn hóa cổ truyền và trí thức của đời sống cách mạng; tạo cơ sở để nâng cao dân trí, đào tạo cán bộ cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng xã hội ngày càng phát triển hơn.

Một sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa ở Trà Vinh, đó là việc bà Nguyễn Thị Quý ở xã Nhị Long (huyện Càng Long) hiến cho Ti Giáo dục ngôi nhà lớn của mình để làm trường học. Đầu năm 1949, Ti Giáo dục tỉnh mở lớp bổ túc cho nam nữ thanh niên, cán bộ trẻ; trường lấy tên là Trường Đỗ Văn Nại đặt tại huyện Càng Long. Thầy Phạm Văn Minh và Võ Văn Tây vừa là Ban giám hiệu, vừa là giáo viên; chương trình học tập do các thầy tự soạn. Trường chỉ dạy hai lớp: lớp nhì và lớp nhất; mỗi lớp học trong 6 tháng và có khoảng 40 học sinh. Trường Đỗ Văn Nại tồn tại được 3 năm (1949-1952) (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh, 2017, tr. 118).

Như vậy, công tác xóa mù chữ là chủ trương đúng đắn của Đảng và đã đạt được thành tựu: Về cơ bản đã giải quyết được nạn mù chữ trong nhân dân, mọi người đều có thể biết đọc, biết viết. Từ đó, có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.

2.4. Kết quả và bài học kinh nghiệm

2.4.1. Kết quả

Giai đoạn 1945-1954, công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Tháng 8-1952, Hội nghị giáo dục toàn Nam Bộ đã đánh giá, Nam Bộ đã có gần 3 triệu người thoát nạn mù chữ, 20% số này đã học qua lớp dự bị bình dân (lớp 3) để thoát nạn mù chữ chắc chắn. Đặc biệt, thành quả bình dân học vụ và xóa mù chữ của ngành giáo dục Nam Bộ đã đào tạo được một thế hệ cán bộ, đảng viên kiên trung, có học thức đáp ứng yêu cầu lãnh đạo và tham gia kháng chiến trên nhiều lĩnh vực. Các trường trung học kháng chiến và trung học bình dân thuộc Sở Giáo dục Nam Bộ đã nâng cao trình độ học vấn đến bậc trung học cơ sở cho hơn một vạn cán bộ kháng chiến. Nhiều người đã trở thành nhà khoa học, sĩ quan cao cấp, văn nghệ sĩ nổi tiếng và những cán bộ lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm không chỉ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà còn cả trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau này. Nhiều học viên của Nam Bộ, sau năm 1954 tập kết ra miền Bắc tiếp tục được cử đi học tập, nghiên cứu ở trong nước và các nước xã hội chủ nghĩa, trở thành những nhà lãnh đạo, nhà giáo, nhà khoa học có uy tín của nước nhà.

Là hình thức tổ chức học tập đầu tiên của chế độ mới nhằm xóa nạn mù chữ, tiến lên bổ túc văn hóa rồi trung học kháng chiến, có thể khẳng định, công tác bình dân học vụ đã gây dựng nền móng ban đầu trong công tác tổ chức trường lớp và đào tạo cán bộ, giáo

viên. Tính đến năm 1950, Nam Bộ đã đào tạo được 558 giáo viên bổ túc văn hóa và giáo viên tiểu học.

Trong suốt 9 năm kháng chiến, Viện VHKNB và Sở Giáo dục Nam Bộ đã phối hợp hoạt động, cung cấp, bồi dưỡng nguồn nhân lực có văn hóa cho chiến trường Nam Bộ lúc đó. Phối hợp với Sở Giáo dục Nam Bộ, hoạt động của Viện VHKNB đã có ảnh hưởng sâu rộng đến các tỉnh thành, lãnh đạo phong trào giáo dục toàn diện ở các trường phổ thông, bổ túc văn hóa, giúp đỡ các cơ quan lãnh đạo, quân, dân, chính, Đảng tổ chức học tập văn hóa; đã đào tạo được 10.000 cán bộ, học sinh, giáo viên. Các tỉnh Nam Bộ đã mở hơn 70 trường bậc tiểu học và trung học, nâng cao trình độ cho hơn mười vạn học sinh, học viên góp phần rất lớn cho thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Tuy nhiên, thiệt thòi lớn nhất của ngành Giáo dục Nam Bộ là ở xa Bộ Giáo dục, xa Trung ương, cho nên công tác chỉ đạo phong trào ban đầu gặp nhiều khó khăn. Từ ngày thành lập cho đến ba năm sau, Sở Giáo dục Nam Bộ không nhận được công văn, chỉ thị nào của Bộ Giáo dục trước cũng như sau ngày toàn quốc kháng chiến, cũng không nhận được sự chi viện nào về cán bộ.

Việc chuyển đổi từ nền giáo dục cũ sang nền giáo dục mới nhiều nơi, nhiều lúc còn chậm và lúng túng. Những năm 1945-1946, hạn chế đó đã gây trở ngại cho việc thu dụng, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, học sinh. Khi kháng chiến nổ ra, việc sơ tán, chuyển đổi môi trường giảng dạy, học tập, một số giáo viên, học sinh không khắc phục được khó khăn nơi sơ tán, phải trở lại vùng tạm chiếm. Trong cuộc cải cách giáo dục năm 1950, việc sắp xếp từ hệ thống phổ thông cũ 12 năm thành hệ thống mới 9 năm còn thiếu đồng bộ trong kế hoạch, sách giáo khoa in ấn chậm, phát hành chưa cân đối.

2.4.2. Bài học kinh nghiệm

Những thành tựu về bình dân học vụ và xóa mù chữ trong kháng chiến ở Nam Bộ vẫn còn nguyên giá trị và cần được vận dụng sáng tạo vào sự nghiệp giáo dục hiện nay. Trong bất kì hoàn cảnh nào cũng phải luôn xác định mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục là phụng sự cách mạng, vì lợi ích dân tộc, giáo dục phải gắn với nhân dân, coi giáo dục là sự nghiệp trồng người, xây dựng con người có đạo đức, có tri thức để phụng sự Tổ quốc. Ngành Giáo dục Nam Bộ có được thành tựu như vậy là nhờ làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục mới, xác định đúng mục tiêu học tập: “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”.

Những kết quả trên đã khẳng định được vị trí, vai trò, công lao của Sở Giáo dục Nam Bộ với sự nghiệp xây dựng nền giáo dục kháng chiến kiến quốc ở Nam Bộ. Để có được những thành tựu ấy là do:

Thứ nhất, lí tưởng của người dạy và người học trong giai đoạn bước ngoặt lịch sử đầy gian khổ của dân tộc ta là dạy và học để nâng cao trình độ văn hóa, xây dựng một đất nước hoàn toàn độc lập tự do, văn minh tiến bộ, không bị lệ thuộc vào nước ngoài. Việc

giảng dạy tất cả các môn học hoàn toàn bằng tiếng Việt là một sự đóng góp có ý nghĩa trong chương trình cải cách giáo dục chung toàn quốc.

Thứ hai, mỗi giảng viên và học viên đều tạo ra cho mình nhân cách và phẩm chất của người cách mạng chân chính, không giáo điều, không rập khuôn, không theo đường mòn mà luôn tìm tòi sáng tạo, dám nghĩ dám làm, để thực hiện lí tưởng của mình trong mọi hoàn cảnh dù khó khăn phức tạp đến đâu.

Thứ ba, quan hệ giữa học viên và những người xung quanh, với xã hội và gia đình, chính bà con đã thương yêu đùm bọc các mái trường kháng chiến và các học viên kháng chiến đã đem ánh sáng văn hóa đến từng người trong mỗi gia đình, cùng tham gia đồng cam cộng khổ với bà con trong xóm. Được dân tin, dân yêu, mái trường thêm ấm áp và vững chắc.

3. Kết luận

Công tác xóa mù chữ ở Nam Bộ thời kì kháng chiến chống Pháp (1945-1954) là một trong những cột mốc đầy tự hào của thầy và trò, là sự nỗ lực và cố gắng không ngừng nghỉ của tập thể giáo sư, giáo viên, học sinh và cả nhân dân. Phong trào đã đạt được những thành tích lớn, giúp đào tạo một thế hệ học sinh ưu tú, phục vụ đắc lực cho kháng chiến, một thế hệ nhân dân biết đọc biết viết, ham học để thoát khỏi nạn mù chữ, góp phần tạo nên sức mạnh đấu tranh giải phóng dân tộc. Song song đó, việc xây dựng một nền giáo dục cách mạng ngay trong lòng địch với quan điểm, đường lối giáo dục, mục tiêu giáo dục, nội dung chương trình, sách giáo khoa đúng đắn đã để lại bài học kinh nghiệm rất lớn đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Văn An. (1995). *Dạy và học trong những năm Nam Bộ kháng chiến 1945-1954*. NXB TP Hồ Chí Minh.
- Trần Văn An. (2017). Công tác tu thư ở Sở Giáo dục Nam Bộ. Ban Tuyên giáo Thành ủy TP Hồ Chí Minh: *Tọa đàm khoa học Chín năm xây dựng nền giáo dục kháng chiến ở Nam Bộ thành quả và kinh nghiệm (1945-1954)*.
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh. (2017). Vài nét về phong trào bình dân học vụ ở Trà Vinh trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Ban Tuyên giáo Thành ủy TP Hồ Chí Minh: *Tọa đàm khoa học Chín năm xây dựng nền giáo dục kháng chiến ở Nam Bộ thành quả và kinh nghiệm (1945-1954)*.
- Nguyễn Quang Kính. (Chủ biên). (2005). *Giáo dục Việt Nam 1945-2005*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Dương Bạch Long. (Chủ biên). (2003). *Tổng mục lục văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam 1945-2002*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.

- Trần Thanh Nam. (Chủ biên). (1995). *Sơ thảo 30 năm giáo dục miền Nam (1945-1975)*. NXB Giáo dục.
- Lê Hữu Phước và Giang Văn Khoa. (Chủ biên và biên soạn). (2015). *Địa chí Bình Phước*, 2. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Thạch Phương và Nguyễn Trọng Minh (Chủ biên). (2005). *Địa chí Bà Rịa – Vũng Tàu*. NXB Khoa học Xã hội.
- Võ Anh Tuấn. (2017). Những điều kì diệu và suy ngẫm. Ban Tuyên giáo Thành ủy TP Hồ Chí Minh: *Tọa đàm khoa học Chín năm xây dựng nền giáo dục kháng chiến ở Nam Bộ thành quả và kinh nghiệm (1945-1954)*.
- Huỳnh Ngọc Trảng. (Chủ biên), Huỳnh Văn Tới và Đỗ Văn Anh. (2001). *Địa chí Đồng Nai*, 5. Đồng Nai: NXB Đồng Nai.

CÁC SỐ TẠP CHÍ KHOA HỌC SẮP TỚI:

- Tập 15, Số 12 (2018): *Khoa học tự nhiên và công nghệ*
- Tập 16, Số 1 (2019): *Khoa học giáo dục*
- Tập 16, Số 2 (2019): *Khoa học xã hội và nhân văn*.

Ban biên tập Tạp chí Khoa học rất mong nhận được sự trao đổi thông tin của các đơn vị bạn và được bạn đọc thường xuyên cộng tác bài vở, góp ý xây dựng.